

Số: 332/BTTTT - KHTC

V/v: Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công
nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan
nhà nước giai đoạn 2007 - 2010

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2007

Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) đã có văn bản số 1448/BBCVT-KHTC ngày 06/7/2007 về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2007-2010. Để đảm bảo tiến độ, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị các bộ, ngành và địa phương khẩn trương xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2007 - 2010 theo hướng dẫn nêu trong Phụ lục 1 và 2 đã gửi kèm theo văn bản số 1448/BBCVT-KHTC nêu trên.

Đồng thời, để giúp cho việc xây dựng kế hoạch được cụ thể hơn và để việc xem xét đóng góp ý kiến đạt hiệu quả, Bộ Thông tin và Truyền thông gửi kèm theo văn bản này "*Các Tiêu chí thực hiện nhiệm vụ góp ý cho Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2007-2010*" để các bộ, ngành và địa phương nghiên cứu, bám sát các tiêu chí trong quá trình xây dựng Kế hoạch.

Với các nội dung trên, đề nghị các bộ, ngành và địa phương gửi bản Kế hoạch được xây dựng bằng văn bản tới Bộ Thông tin và Truyền thông và gửi file Kế hoạch (bản soft-copy) theo địa chỉ thư điện tử: hqlap@mic.gov.vn trước 15/10/2007 để kịp tổng hợp và có ý kiến trước khi phê duyệt.

TL.BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị: Vụ KHCN, Cục UDCNTT;
- Các Sở BCVT;
- Lưu VT, KHTC.



Nguyễn Minh Sơn

CÁC TIÊU CHÍ GÓP Ý CHO KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT GIAI ĐOẠN 2007-2010

Ký hiệu tiêu chí	Các tiêu chí (Nội dung đã nêu)	Các mức đánh giá
TC1.1	1.1 Hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Đầy đủ (ĐĐ)
TC1.1.1	1.1.1 Hiện trạng xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, chính sách để phát triển ứng dụng CNTT của địa phương	Chấp nhận (CN)
TC1.1.2	1.1.2 Hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT để phục vụ cho ứng dụng CNTT, trong đó cần nêu số liệu cụ thể (*)	Bổ sung (BS)
TC1.1.3	1.1.3 Hiện trạng ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước (*)	Điều chỉnh (ĐC)
TC1.1.4	1.1.4 Hiện trạng ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trong việc phục vụ người dân và doanh nghiệp	Chưa được (CĐ)
TC1.1.5	1.1.5 Hiện trạng nguồn nhân lực CNTT ở địa phương (trình độ, số lượng được đào tạo, nhận thức...) (*)	
TC1.1.6	1.1.6 Những điểm mạnh và điểm yếu của địa phương trong việc phát triển ứng dụng CNTT.	
TC1.1.7	1.1.7 Những nội dung khác	
TC1.2	1.2. Các khó khăn, tồn tại cần khắc phục (*)	

(*) Để chi tiết hơn xem phần chi tiết hóa một số tiêu chí thẩm định với tên tiêu chí tương ứng.

2. Các vấn đề về quan điểm và mục tiêu:

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu		Các mức đánh giá (theo gợi ý)
TC2.1	2.1 Quan điểm: có hai tùy chọn tùy theo bộ ngành hay địa phương:		Đầy đủ (ĐĐ) Chấp nhận (CN) Bổ sung (BS) Điều chỉnh (ĐC) Chưa được (CĐ)
	Đối với Bộ ngành		
TC2.1.1		2.1.1 Ứng dụng CNTT được xem là nhiệm vụ quan trọng (*)	
TC2.1.2		2.1.2. Hướng tới chính phủ điện tử (hiệu quả, minh bạch) (*)	
TC2.1.3		2.1.3 Tính đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với quá trình cải cách hành chính tại Bộ (*)	
TC2.1.4		2.1.4 Các quan điểm khác	
	Đối với địa phương		
TC2.1.1		2.1.1 Ứng dụng CNTT được xem là để xây dựng một chính quyền hiện đại, văn minh, hiệu quả, dân chủ, công khai và minh bạch (*)	
TC2.1.2		2.1.2 Kế hoạch ứng dụng CNTT ở địa phương phải có tính kế thừa các dự án đã đầu tư trong các giai đoạn trước	
TC2.1.3		2.1.3 Kế hoạch ứng dụng CNTT phải gắn với quá trình cải cách hành chính	
TC2.1.4		2.1.4 Kế hoạch ứng dụng CNTT là sự cụ thể hoá quy hoạch phát triển CNTT của tỉnh	
TC2.1.5		2.1.5 Kế hoạch ứng dụng CNTT phải phù hợp với khuôn mẫu về mô hình chính quyền điện tử cấp địa phương, phù hợp với các quy định về các CSDL quốc gia, đảm bảo sự tương thích hoạt động và quy định an toàn bảo mật	
TC2.1.6		2.1.6 Kế hoạch ứng dụng CNTT phải có tính thực tiễn và có tính khả thi.	
TC2.1.7		2.1.7 Các quan điểm khác	
TC2.2	2.2 Các mục tiêu		
TC2.2.1		2.2.1 Xây dựng cơ sở hạ tầng (*) - Với Bộ ngành: Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ	

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu		Các mức đánh giá (theo gợi ý)
		cho ứng dụng - Với địa phương: Xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT	
TC2.2.2		2.2.2 Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan nhà nước	
TC2.2.3		2.2.3 Phục vụ người dân và doanh nghiệp	

(*) Để chi tiết hơn xem phần chi tiết hóa một số tiêu chí thẩm định với tên tiêu chí tương ứng.

3. Các vấn đề về nội dung chương trình/kế hoạch

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu		Các mức đánh giá (theo gợi ý)
	3.1 Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho ứng dụng CNTT bộ ngành/địa phương		Đầy đủ (ĐĐ)
		3.1.1 Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng (*)	Chấp nhận (CN)
		3.1.2. Xây dựng các CSDL (*)	Bổ sung (BS)
	3.2 Xây dựng các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ ngành/HĐND, UBND tỉnh		Điều chỉnh (ĐC)
		3.2.1 Hệ thống thư điện tử đề trao đổi (*)	Chưa được (CĐ)
		3.2.2 Triển khai, hoàn thiện hệ thống thông tin trên cơ sở kế thừa, đồng bộ, xây dựng, nâng cấp... (*)	
		3.2.3 Kế hoạch số hoá nguồn thông tin chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng (*)	
	3.3 Xây dựng các ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp		
		3.3.1 Xây dựng, cập nhật cổng thông tin điện tử của bộ ngành/địa phương, cung cấp thông tin chung về kinh tế, xã hội và các dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp	

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu	Các mức đánh giá (theo gợi ý)
	3.3.2 Danh mục các ứng dụng CNTT khác để phục vụ người dân và doanh nghiệp (khuyến khích theo khả năng).	
	3.4 Phát triển nguồn nhân lực CNTT	
	3.4.1 Quy hoạch và xây dựng đội ngũ giám đốc CNTT cho các Sở (*)	
	3.4.2 Đào tạo đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT (*): - Với địa phương: cho các UBND huyện - Với Bộ: cho các đơn vị trong Bộ	
	3.4.3 Phổ cập ứng dụng CNTT cho các cán bộ, công chức (*)	

(*) Để chi tiết hơn xem phần chi tiết hóa một số tiêu chí thẩm định với tên tiêu chí tương ứng.

4. Các vấn đề về giải pháp thực hiện

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu	Các mức đánh giá (theo gợi ý)
TC4.1	4.1 Có sự tham gia trực tiếp và chỉ đạo chặt chẽ của lãnh đạo (*) - Với địa phương: của HĐND, UBND tỉnh - Với bộ ngành: của lãnh đạo Bộ	

5. Các vấn đề về năng lực tổ chức thực hiện, nguồn lực thực hiện

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu	Các mức đánh giá (theo gợi ý)
TC5.1	5.1 Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của tỉnh/thành phố hoặc bộ ngành: - Chỉ đạo xây dựng và triển khai lộ trình thực hiện kế hoạch theo đặc điểm của từng địa phương hoặc bộ ngành - Thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn.	Đầy đủ (ĐĐ) Chấp nhận (CN) Bổ sung (BS) Điều chỉnh

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu	Các mức đánh giá (theo gợi ý)
	5.2 Sở BCVT/Trung tâm Tin học của Bộ - Xây dựng kế hoạch - Tổ chức thực hiện - Đảm bảo các nội dung tương thích, phù hợp với khuôn mẫu về CSDL, công điện tử để đảm bảo sự làm việc tương thích trong phạm vi 1 tỉnh/ và quốc gia.	(ĐC) Chưa được (CĐ)
	5.3 Sở Tài chính/Vụ Kế hoạch - Tài chính: Đảm bảo cấp đủ vốn và theo dõi việc sử dụng vốn.	
	5.4 Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở BCVT trong quá trình triển khai các dịch vụ hành chính công trực tuyến.	
	5.5 Các sở ban ngành khác/Các Sở chuyên ngành trong toàn quốc thuộc bộ quản lý chuyên môn.	

6. Danh mục các dự án CNTT

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu	Các mức đánh giá (theo gợi ý)
	6.1 Danh mục các dự án được liệt kê?	Đầy đủ (ĐĐ) Chấp nhận (CN) Bổ sung (BS) Điều chỉnh (ĐC) Chưa được (CĐ)
	6.2 Các dự án có phù hợp với mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ đã nêu ở trên không? (*)	
	6.3 Các dự án có tính kế thừa, thống nhất, không bị trùng lặp... không?	
	6.4 Các mục của một dự án được cung cấp đầy đủ nội dung? (theo biểu mẫu “danh mục các dự án CNTT sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản) (*)	

7. Các vấn đề về hiệu quả, khả năng phát triển

Ký hiệu Tiêu chí	Nội dung đã nêu	Các mức đánh giá (theo gợi ý)
	7.1 Thể hiện tính khả thi của kế hoạch?	
	7.2 Thể hiện khả năng mở rộng, nâng cấp và liên thông?	

Chi tiết hoá một số tiêu chí thực hiện nhiệm vụ góp ý kiến kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2007-2010

1. Các vấn đề hiện trạng

1.1 Nguyên tắc thẩm định:

- tính đầy đủ (phần hiện trạng trong kế hoạch phải trung thực – chính xác, đầy đủ và mới nhất).

- Tính chính xác và mới nhất thể hiện nguồn báo cáo được bảo đảm: *(Có thể tham khảo bộ ngành, địa phương về hình thức khai thác nguồn dữ liệu)*

+ Các số liệu khảo sát phải trích lục từ các nguồn như từ các báo cáo tổng kết mới nhất của các Sở ban ngành, các đơn vị trực thuộc ...

+ Liệt kê các số hiệu văn bản của các báo cáo tổng kết.

1.2 Tính đầy đủ có thể kiểm tra theo các tiêu chí trong bảng dưới đây

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
TC1.1.1	Hệ thống các quy hoạch, chính sách, kế hoạch để phát triển ứng dụng CNTT ở địa phương có đề cập đến các mục: - Địa phương đã xây dựng Quy hoạch phát triển ứng dụng CNTT đến 2010 chưa? Nếu có thì liệt kê. - Do cơ chế chính sách từ Trung ương còn bất cập và chưa đầy đủ, Địa phương đã chủ động ban hành những cơ chế chính sách nào góp phần tháo gỡ, thúc đẩy ứng dụng CNTT địa phương?
TC1.1.2	Hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT để phục vụ cho ứng dụng CNTT, trong đó cần nêu số liệu cụ thể (*) về các mặt sau: a) Hạ tầng mạng (kết nối giữa các cơ quan nhà nước với văn phòng UBND, kết nối trong nội bộ các cơ quan nhà nước tại địa phương) (chủ yếu là liệt kê các số liệu về Viễn thông và Internet): - Tổng số thuê bao điện thoại cố định - Tổng số thuê bao điện thoại di động - Tổng số thuê bao Internet quay số qua điện thoại - Tổng số thuê bao Internet băng rộng (ADSL...) - Tổng số thuê bao Internet kênh riêng (leased line) - Tổng số máy tính của tỉnh - Số huyện được cung cấp dịch vụ Internet băng rộng

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	- Số xã được phủ sóng điện thoại di động - Số xã có điểm bưu điện văn hóa xã - Số điểm bưu điện văn hóa xã được kết nối Internet - Số huyện đã có cáp quang đến - Số xã đã có cáp quang đến - Dung lượng mạng chuyển mạch hiện có (đường) - Dung lượng mạng chuyển mạch đã sử dụng (đường) - Số trạm điều khiển BSC - Số trạm thu phát sóng BTS - Dung lượng lắp đặt thiết bị mạng Internet và truyền số liệu (Bras, DSLAM-hub, DSLAM) - Dung lượng thiết bị mạng Internet và truyền số liệu (Bras, DSLAM-hub, DSLAM) đã sử dụng - b) Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (con người, đất đai, doanh nghiệp ...) c) Văn bản pháp lý của HĐND, UBND tỉnh về việc triển khai và phục vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước
TC1.1.3	Hiện trạng ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước: a) Để phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh b) Để phục vụ các công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước như các cơ quan trực thuộc UBND, HĐND, các Sở ban ngành, Quận huyện (các đơn vị hoạt động bằng ngân sách nhà nước) có liệt kê theo các mục dưới đây chưa? - Liệt kê theo các chương trình, phần mềm ứng dụng chuyên ngành phục vụ nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý, điều hành? (kể cả các dự án đầu tư trước đây như các dự án thuộc đề án 112), phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước. - Nêu rõ khả năng kết nối của các phần mềm này nếu có tạo ra môi trường làm việc qua mạng không chỉ trong cơ quan, mà còn giữa các cơ quan với nhau?

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	Và có liệt kê: - Tỷ lệ cơ quan chính quyền cấp tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phương có kết nối Internet - Tỷ lệ cơ quan chính quyền cấp tỉnh/thành phố (Sở, ban, ngành cấp tỉnh) có trang web Tỷ lệ cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền cấp tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phương có sử dụng máy tính, Internet cho công việc
TC1.1.4	Hiện trạng ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trong việc phục vụ người dân và doanh nghiệp: a) Phục vụ người dân b) Phục vụ doanh nghiệp Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước ở địa phương phục vụ doanh nghiệp, người dân, có liệt kê theo các mục dưới đây chưa? - Liệt kê các trang thông tin, cổng thông tin đang hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong đó phải nói rõ mức độ đạt được theo 4 mức độ trong văn bản 1448. Liệt kê các dịch vụ công ứng dụng CNTT đang cung cấp cho người dân và doanh nghiệp? (kể cả các dự án đầu tư trước đây như các dự án thuộc đề án 112).
TC1.1.5	Có đề cập đến hoạt động của Ban chỉ đạo địa phương và Nguồn nhân lực sử dụng CNTT trong các cơ quan? - Ban chỉ đạo bộ ngành/địa phương: tính hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, điều phối, tư vấn ... - Nguồn nhân lực: trình độ, số lượng được đào tạo ... - Nhận thức của lãnh đạo, cán bộ công chức... - ...
TC1.2	Các khó khăn, tồn tại cần khắc phục: thể hiện được các nội dung sau: - Sự gắn kết giữa tin học hoá với các ngành nghề, hoạt động khác - Nguồn nhân lực CNTT - Mô hình ứng dụng CNTT chưa cụ thể - Cơ sở hạ tầng còn yếu kém, cần khắc phục (truy cập Internet, dịch vụ công trực tuyến, CSDL,...) - Xây dựng kế hoạch chưa phù hợp

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	- Tổ chức triển khai thực hiện còn lúng túng - Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở Ban Ngành - Những mặt khác

2. Các vấn đề về quan điểm và mục tiêu

Tiêu chí thẩm định phần quan điểm và mục tiêu phải đảm bảo bao hàm các quan điểm theo Công văn hướng dẫn số 1448 và phù hợp, thống nhất với các quan điểm, mục tiêu trong Quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh, quốc phòng của địa phương.

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
Về quan điểm	
TC2.1.1	- Với Bộ ngành: Ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ quan trọng của quốc gia với sự tham gia của tất cả các Bộ, ngành, địa phương và toàn xã hội. - Với địa phương: Kế hoạch ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước ở địa phương nhằm để xây dựng một chính quyền hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, công khai và minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.
TC2.1.2	- Với Bộ ngành: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ hướng tới Chính phủ điện tử, Bộ điện tử là góp phần làm cho Bộ hoạt động hiệu quả, hiệu lực hơn, chất lượng hơn, minh bạch hơn và phục vụ nhân dân tốt hơn.
TC2.1.3	- Với Bộ ngành: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ phải được tiến hành đồng bộ, gắn bó chặt chẽ với quá trình cải cách hành chính nhà nước tại Bộ. Các phương thức quản lý, quy trình làm việc, các thủ tục hành chính cần được rà soát, đổi mới, tổ chức lại đảm bảo rõ ràng, minh bạch và áp dụng CNTT có hiệu quả.
Về mục tiêu	
TC2.2.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng: - Đối với địa phương: Xây dựng một hạ tầng truyền thông tốc độ cao, đa dịch vụ, liên kết các hệ thống thông tin nội bộ của các sở, ban, ngành, các UBND quận, huyện của tỉnh, đảm bảo an toàn và bảo mật,

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh (<i>Đây là dự án quốc gia do Cục Bưu điện TW chủ trì</i>) - Đối với bộ ngành: Xây dựng hạ tầng mạng liên kết các hệ thống thông tin của các đơn vị thuộc Bộ, các Sở chuyên ngành tại các tỉnh, đảm bảo an toàn và bảo mật, đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin giữa các đơn vị thuộc Bộ và với các Sở chuyên ngành
TC2.2.2	Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan nhà nước: a) - Đối với địa phương: Đảm bảo hệ thống chỉ đạo điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời từ Chủ tịch UBND đến các Sở, ban ngành, quận huyện - Đối với bộ ngành: Đảm bảo hệ thống chỉ đạo điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời từ Bộ trưởng đến các đơn vị thuộc Bộ và đến các Sở chuyên ngành trong toàn quốc b) - Đối với địa phương: Đảm bảo trên 15% thông tin trao đổi, giao dịch giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh được lưu chuyển trên mạng, giảm thiểu việc sử dụng giấy - Đối với bộ ngành: Đảm bảo trên 30% thông tin trao đổi, giao dịch giữa các đơn vị thuộc Bộ được lưu chuyển trên mạng, giảm thiểu việc sử dụng giấy c) - Đối với địa phương: Trên 60% cán bộ, công chức nhà nước có điều kiện sử dụng thư điện tử và khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho công việc. - Đối với bộ ngành: Trên 80% cán bộ, công chức của Bộ có điều kiện sử dụng thư điện tử và khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho công việc.
TC2.2.3	2.2.3 Phục vụ người dân và doanh nghiệp: a) Cổng thông tin điện tử hoạt động hiệu quả: - Đối với địa phương: Có cổng thông tin điện tử (portal) của tỉnh với đầy đủ thông tin về pháp luật, chính sách, quy định, thủ tục hành chính, quy trình làm việc, các dự án đầu tư, đấu thầu và mua sắm, thông tin hoạt động của các cơ quan. Người dân và các doanh nghiệp có khả năng tìm kiếm thông tin liên quan đến hoạt động của các cơ quan hành chính một cách nhanh chóng, dễ dàng. - Đối với bộ ngành: Có cổng thông tin điện tử (portal) của Bộ với đầy đủ thông tin về pháp luật, chính sách, quy định, thủ tục hành chính,

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	quy trình làm việc, các dự án đầu tư, đấu thầu và mua sắm, thông tin hoạt động của các cơ quan. Người dân và các doanh nghiệp có khả năng tìm kiếm thông tin liên quan đến hoạt động của các cơ quan hành chính một cách nhanh chóng, dễ dàng. Người dân và các doanh nghiệp có khả năng trao đổi, đóng góp ý kiến với Bộ tại cổng điện tử. Cụ thể theo Điều 28 Luật CNTT, bao gồm: + Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc; + Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan; + Quy trình, thủ tục hành chính được thực hiện bởi các đơn vị trực thuộc, tên của người chịu trách nhiệm trong từng khâu thực hiện quy trình, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính; + Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch chuyên ngành; + Danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền; + Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công; + Danh mục các hoạt động trên môi trường mạng đang được cơ quan đó thực hiện; + Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân. b) Dịch vụ hành chính công trực tuyến:\ - Đối với địa phương: có ít nhất 3 dịch vụ công theo định hướng chung. - Đối với bộ ngành: có dịch vụ công nào trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Bộ Với mỗi dịch vụ, cổng điện tử cho phép người dân và doanh nghiệp: - Có đầy đủ thông tin về quy trình, thời gian và lệ phí thực hiện dịch vụ - Tải các mẫu đơn, hồ sơ trên mạng và điền thông tin trực tiếp vào các mẫu đơn - Gửi lại qua mạng các mẫu đơn, hồ sơ sau khi đã điền xong tới các cơ quan, cá nhân thụ lý hồ sơ - Trao đổi với cơ quan, cá nhân thụ lý hồ sơ về quá trình. Các mức độ của dịch vụ công trực tuyến:

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	- <u>Dịch vụ hành chính công trực tuyến</u>: Dựa theo mô hình tiến hóa 4 mức của CPĐT, một dịch vụ hành chính công được gọi là trực tuyến trên cổng thông tin điện tử nếu nó thỏa mãn <u>một trong các điều kiện</u> sau: + Cổng thông tin điện tử có đầy đủ thông tin về quy trình, thủ tục thực hiện dịch vụ, các giấy tờ cần thiết, các bước tiến hành, thời gian thực hiện, chi phí thực hiện dịch vụ. <i>(mức độ 1)</i> + Ngoài thông tin đầy đủ như mức độ 1, cổng thông tin điện tử cho phép người sử dụng tải về các mẫu đơn, hồ sơ để người sử dụng có thể in ra giấy, hoặc điền vào các mẫu đơn. Việc nộp lại hồ sơ sau khi hoàn thành được thực hiện qua đường bưu điện hoặc người sử dụng trực tiếp mang đến cơ quan thụ lý hồ sơ <i>(mức độ 2)</i> + Ngoài thông tin đầy đủ như ở mức độ 1 và các mẫu đơn, hồ sơ cho phép tải về như ở mức độ 2, cổng thông tin điện tử còn cho phép người sử dụng điền trực tuyến vào các mẫu đơn, hồ sơ và gửi lại trực tuyến các mẫu đơn, hồ sơ sau khi điền xong tới cơ quan và người thụ lý hồ sơ. Các giao dịch trong quá trình thụ lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện qua mạng. Tuy nhiên, việc thanh toán chi phí và trả kết quả sẽ được thực hiện khi người sử dụng dịch vụ đến trực tiếp cơ quan cung cấp dịch vụ. <i>(mức độ 3)</i> + Ngoài thông tin đầy đủ như ở mức độ 1, các mẫu đơn, hồ sơ cho phép tải về như ở mức độ 2, gửi trực tuyến hồ sơ và thực hiện các giao dịch qua mạng như ở mức độ 3, việc thanh toán chi phí sẽ được thực hiện trực tuyến, việc trả kết quả có thể thực hiện trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện. <i>(mức độ 4)</i> - Mức độ 1 là mức độ đơn giản nhất của dịch vụ hành chính công trực tuyến. Mức độ 4 là mức độ hoàn chỉnh nhất của dịch vụ hành chính công trực tuyến, ở mức độ này, người sử dụng được cung cấp dịch vụ hoàn chỉnh mà không cần giao tiếp trực tiếp (gặp mặt) cơ quan cung cấp dịch vụ. c) Các chỉ tiêu: - Địa phương: Có ít nhất 10% người dân sử dụng các dịch vụ hành chính công trực tuyến, 30% người dân biết về các dịch vụ hành chính công trực tuyến - Địa phương: Có ít nhất 10% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến để đăng ký kinh doanh, báo cáo thuế

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	- Bộ ngành: Có ít nhất 10% giao dịch hành chính công giữa Bộ với người dân được thực hiện trực tuyến

3. Các vấn đề về nội dung kế hoạch

Thẩm định nội dung chi tiết là thẩm định tính phù hợp, khả thi trên từng mục tiêu của kế hoạch đề ra thông qua các chỉ số (các chỉ số là các biến phản ánh định tính, hay định lượng kết quả hoạt động theo từng giai đoạn của kế hoạch trên cơ sở dự kiến số lượng, mức độ tương ứng đạt được của từng chỉ số theo năm, đến năm 2010)

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
3.1 Về xây dựng cơ sở hạ tầng	
TC3.1.1	Cơ sở hạ tầng mạng: Nội dung cần bảo đảm: 1) Kết nối mạng: - Địa phương: Mạng chuyên dụng nối các Sở Ban Ngành và đến các quận huyện - Bộ ngành: Mạng WAN nối các đơn vị thuộc Bộ, nối Bộ với các Sở chuyên ngành trong toàn quốc Cần thể hiện được: - Tốc độ, băng thông của mạng chuyên dùng kết nối giữa các Sở ban ngành và đến các quận huyện - Dự kiến số liệu theo từng năm. 2) Quy trình an toàn bảo mật trên mạng: tường lửa, quy trình nghiệp vụ Cần thể hiện được: - Lộ trình và Chi phí đầu tư cho an toàn, bảo mật, dự phòng các hệ thống thông tin - Dự kiến bằng con số phản ánh số tiền đầu tư cho từng năm. 3) Quy trình tạo dự phòng (backup) dữ liệu, đảm bảo an toàn dữ liệu Cần thể hiện được: - Mức độ phù hợp với quy định về an toàn, bảo mật, dự phòng cho các hệ thống thông tin. Chi rõ cấp độ sẽ đạt được về an toàn, bảo mật, dự phòng theo từng năm (<u>cấp độ quy định của Ngành về an toàn, bảo mật, dự phòng</u>). 4) Quy trình quản lý địa chỉ IP, thư điện tử

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	5) Những nội dung khác Về nguyên tắc, yêu cầu: - Lộ trình thực hiện, dự kiến theo từng năm... - Phải thể hiện được (1) xây dựng mới; (2) Nâng cấp; (3) Kế thừa; (4) Có tính mở (khả chuyển, tương thích và tương hợp); (5) Phù hợp với thực tiễn (hiện trạng, tính khả thi về tài lực); (6) Phù hợp với hiện trạng và mục tiêu đã nêu.
TC3.1.2	Xây dựng các cơ sở dữ liệu cần thể hiện được những ý chính sau: - Về nội dung: + Danh mục các cơ sở dữ liệu: * Với địa phương: Xây dựng các CSDL quốc gia về con người, doanh nghiệp, đất đai trên địa bàn để phục vụ cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước và phục vụ cho các dịch vụ hành chính công trực tuyến * Với Bộ: Thiết kế CSDL ngành, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ + Xây dựng các CSDL khác phù hợp với yêu cầu ứng dụng CNTT tại bộ ngành/địa phương - Về nguyên tắc: + Lộ trình và Chi phí đầu tư xây dựng và triển khai CSDL ngành/địa phương về con người, doanh nghiệp, đất đai... + Dự kiến bằng con số phản ánh số tiền đầu tư cho từng năm + Mức độ đáp ứng quy trình khai thác, nhu cầu sử dụng CSDL địa phương + Tỷ lệ % mức độ đáp ứng quy trình khai thác, nhu cầu sử dụng CSDL địa phương. + Phải thể hiện được (1) xây dựng mới; (2) Nâng cấp; (3) Kế thừa; (4) Có tính mở (khả chuyển, tương thích và tương hợp); (5) Phù hợp với thực tiễn (hiện trạng, tính khả thi về tài lực); (6) Phù hợp với hiện trạng và mục tiêu đã nêu. + Với địa phương: Yêu cầu khi xây dựng các CSDL: phải phù hợp quy định của các Bộ chuyên ngành được giao chủ trì xây dựng khung, và đảm bảo tính tương thích, tính kế thừa các CSDL đã có.
3.2 Xây dựng các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của	

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
Bộ ngành/HĐND, UBND tỉnh	
TC3.2.1	Hệ thống thư điện tử cần thể hiện được: - Về nội dung: + ĐF: Triển khai hệ thống thư điện tử đảm bảo cung cấp đủ mỗi cán bộ, công chức một địa chỉ thư điện tử + Bộ: Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thư điện tử của Bộ, đảm bảo các cán bộ, công chức đều có địa chỉ thư điện tử và trao đổi hiệu quả trên mạng. - Về nguyên tắc, chỉ tiêu: cần thể hiện được: + Mức độ sử dụng email trong các hoạt động trao đổi thông tin: Tỷ lệ % người sử dụng email theo các năm + Nghiên cứu hiện trạng về hệ thống thư điện tử của các cơ quan nhà nước. + Xây dựng hệ thống thư điện tử từ trung ương đến cấp quận, huyện và tương đương cho các cơ quan nhà nước chưa có thư điện tử. + Xây dựng quy định về sử dụng thư điện tử, hệ thống địa chỉ thư điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. + Xây dựng quy định và tích hợp hạ tầng khoá công khai, và sử dụng chữ ký số trong hệ thống thư điện tử. + Triển khai hoàn thiện việc xây dựng hệ thống thư điện tử của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương (đến cấp quận, huyện).
TC3.2.2	Triển khai, hoàn thiện hệ thống thông tin trên cơ sở kế thừa, đồng bộ, xây dựng, nâng cấp....: a) Yêu cầu + Với địa phương: Triển khai các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn. + Với Bộ: Tiếp tục triển khai và hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Bộ. + Phải phù hợp với mục tiêu đã đề ra. b) Về nội dung: - Với địa phương: chủ yếu bao gồm: + Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (văn bản đi, văn

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	bản đến, văn bản tự trình) + Các hệ thống quản lý nhân sự, quản lý kế toán - Với bộ ngành: chủ yếu bao gồm: + Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (văn bản đi, văn bản đến, văn bản tự trình) + Các hệ thống quản lý nhân sự, quản lý kế toán, hệ thống thông tin số tổng hợp kinh tế - xã hội - Ngoài ra, hệ thống thông tin có thể có đầy đủ những nội dung sau: + Hệ thống thông tin số tổng hợp kinh tế - xã hội (Xem Phụ lục 3); + Hệ thống thư điện tử (xem Phụ lục 4). + Hệ thống thông tin quản lý văn bản điện tử (xem Phụ lục 5). + Sử dụng phần mềm quản lý hoạt động nội bộ bao gồm: quản lý tài chính, tài sản, cán bộ công chức, ... + Số hoá nguồn thông tin chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử. c) Phải thể hiện được về mặt nguyên tắc: + Mức độ triển khai các hệ thống thông tin số (Dựa trên danh mục các hệ thống thông tin số do Chính phủ quy định) + Tỷ lệ đạt bao nhiêu % theo các năm 2008, 2009, 2010 + Phải thể hiện được (1) xây dựng mới; (2) Nâng cấp; (3) Kế thừa; (4) Có tính mở (khả chuyển, tương thích và tương hợp); (5) Phù hợp với thực tiễn (hiện trạng, tính khả thi về tài lực); (6) Phù hợp với hiện trạng và mục tiêu đã nêu. d) Ảnh hưởng của hệ thống thông tin số: - Mức độ tác động mạnh tới Cải cách hành chính của những đề án, dự án sẽ triển khai: Tỷ lệ % các quy trình tác nghiệp được tin học hóa theo các năm (dựa trên danh mục các quy trình hành chính do Chính phủ quy định)
TC3.2.3	Kế hoạch số hóa cần thể hiện được: - Mức độ số hóa thông tin, tài liệu - Dự kiến tỷ lệ % khối lượng số hóa theo từng năm.
3.3 Xây dựng các ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp	
TC3.3.1	Xây dựng, cập nhật cổng thông tin điện tử: Cần thể hiện được các

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	bước và nội dung sau: a) Với địa phương: - Căn cứ vào danh mục các dịch hành chính công được ưu tiên triển khai trong Chương trình, xác định các dịch vụ cần thực hiện trong kế hoạch (<i>ngoài 3 dịch vụ bắt buộc theo Chương trình quốc gia</i>) - Xác định cơ quan chủ trì và cơ quan liên quan - Xây dựng quy trình nghiệp vụ cung cấp các dịch vụ này - Tổ chức thực hiện - Tổ chức tuyên truyền, quảng bá để mọi người dân biết và sử dụng dịch vụ - Đánh giá định kỳ, rút kinh nghiệm, cải tiến, nâng cấp hệ thống b) Với bộ ngành: - Xây dựng cổng thông tin điện tử của Bộ, cung cấp đầy đủ các thông tin về Bộ (nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn, địa chỉ liên hệ ...) - Căn cứ vào danh mục các dịch vụ hành chính công mà Bộ cung cấp tới người dân và doanh nghiệp, chọn ra 3 dịch vụ để thực hiện trực tuyến - Thực hiện chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ cung cấp các dịch vụ được chọn (cải cách hành chính) - Tổ chức thực hiện - Tổ chức tuyên truyền, quảng bá để mọi người dân biết và sử dụng dịch vụ - Đánh giá định kỳ, rút kinh nghiệm, cải tiến, nâng cấp hệ thống. c) Các dịch vụ công phải có các thông số cụ thể: - Danh mục dịch vụ công trực tuyến có thể cung cấp: Tỷ lệ % số lượng dịch vụ công cung cấp trên tổng theo danh mục các dịch vụ hành chính công mà Chính phủ quy định. - Mức độ của dịch vụ hành chính công trực tuyến: Dự kiến sẽ đạt cấp độ mấy cho từng năm. - Mức độ tác động mạnh tới Cải cách hành chính của những đề án, dự án sẽ triển khai: Tỷ lệ % các quy trình tác nghiệp được tin học hóa theo các năm (dựa trên danh mục các quy trình hành chính do Chính phủ quy định).
3.4 Phát triển nguồn nhân lực CNTT	

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
TC3.4.1	Quy hoạch và xây dựng đội ngũ giám đốc CNTT cho các Sở: cần thể hiện được: Lộ trình quy hoạch và phát triển đội ngũ Giám đốc CNTT cho các Sở ban ngành, quận huyện kèm theo dự kiến số liệu theo từng năm.
TC3.4.2	Đào tạo đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT: - Đưa vào biên chế cán bộ chuyên trách CNTT đến cấp đơn vị thuộc Bộ/huyện. - Có kế hoạch tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực. - Có kế hoạch đào tạo (đối với địa phương: thông qua Trung tâm CNTT của Sở BCVT). Cần thể hiện được: - Số lượng cán bộ chuyên trách về CNTT ở các UBND Huyện hoặc ở các đơn vị thuộc Bộ. - Dự kiến số lượng hoặc biện pháp thu hút, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách về CNTT ở cấp Quận/Huyện, các đơn vị thuộc bộ ngành.
TC3.4.3	Phổ cập ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, công chức chủ yếu dưới hai hình thức: - Phổ cập bắt buộc sử dụng thành thạo CNTT - Đào tạo sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ. Cần thể hiện được: - Tốc độ phổ cập kiến thức cơ bản về CNTT: Tỷ lệ % dự kiến đạt được theo từng năm về trang bị kiến thức cơ bản về CNTT - Tốc độ phổ biến quy trình khai thác trên cơ sở quy trình nghiệp vụ đã được tin học hóa: Tỷ lệ % dự kiến đạt được theo từng năm (căn cứ theo mức độ tin học hóa các quy trình nghiệp vụ)

4. Các vấn đề về giải pháp thực hiện

Thẩm định giải pháp thực hiện là thẩm định tính khả thi của từng phương án dự kiến sẽ áp dụng cho từng giai đoạn trong kế hoạch, có phù hợp với các nguồn lực sẵn có hay không? và tác động ảnh hưởng tới nhận thức của cán bộ công chức, doanh nghiệp, người dân như thế nào?

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
TC4.1	4.1 Có sự tham gia trực tiếp và chỉ đạo chặt chẽ của lãnh đạo

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	- Mức độ quan tâm của các cấp lãnh đạo đối với ứng dụng CNTT? (Cấp trưởng, cấp phó,...) - Trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực, địa phương và tổ chức, cơ quan của mình. - Quyết định các biện pháp nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin. - Quyết định về tổ chức bộ máy, cán bộ và hoạt động của đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin trong hệ thống tổ chức, cơ quan của mình.
TC4.2	4.2 Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: - Ngoài những văn bản quản lý nhà nước nói chung, của bộ quản lý chuyên ngành, còn thể hiện sẽ xây dựng: + Quy hoạch, kế hoạch, chính sách để phát triển ứng dụng CNTT của bộ ngành/địa phương. + Văn bản pháp lý của bộ ngành/địa phương về việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước: Xây dựng các cơ chế về tài chính, định mức, hướng dẫn triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương theo đúng qui định của pháp luật và khuyến khích sự phát triển của địa phương. - Hoàn thiện hạ tầng mạng đến cấp độ nào: + Địa phương: tỉnh, huyện, xã... + Bộ ngành: Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, các sở thuộc lĩnh vực quản lý...
TC4.3	4.3 Đầu tư đủ, đồng bộ: - Mức độ đầu tư đủ và đồng bộ cho CNTT? (căn cứ theo dự kiến mức độ đầu tư và kinh phí sự nghiệp hàng năm cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT) - Mức độ và biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp có đủ năng lực và điều kiện tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước dưới hình thức xây dựng-chuyển giao (BT) hoặc xây dựng-khai thác-chuyển giao (BOT). - Có đầu tư đồng bộ cho phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và đào tạo hay không. - Có khuyến khích huy động các nguồn vốn đầu tư khác ngoài ngân sách đầu tư hàng năm cho việc thực hiện Chương trình.

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	- Có tiến hành triển khai mô hình thí điểm?
TC4.4	4.4 Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực ứng dụng CNTT - Đào tạo và bố trí các cơ quan nhà nước cấp trung ương, tỉnh, thành phố, quận, huyện (và tương đương) có đủ cán bộ chuyên trách về thông tin. - Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước về kiến thức và khả năng ứng dụng CNTT có hiệu quả cao trong các hoạt động nghiệp vụ, nghiên cứu và hợp tác.
TC4.5	4.5 Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân trong xã hội về ứng dụng CNTT - Tổ chức tuyên truyền trong các cơ quan, nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân. - Thể hiện được: + Mức độ nhận thức của cán bộ công chức về vai trò ứng dụng CNTT? + Mức độ nhận thức của người dân về vai trò ứng dụng CNTT? + Mức độ nhận thức của doanh nghiệp về vai trò ứng dụng CNTT? + Mức độ phối hợp tổ chức thực hiện giữa các cơ quan triển khai ứng dụng CNTT?

5.5. Các vấn đề về năng lực tổ chức thực hiện, nguồn lực thực hiện

6. Danh mục các dự án CNTT

Thẩm định danh mục các dự án là thẩm định về sự phù hợp của mục tiêu, quy mô (có tính đến kết quả kế thừa, khả năng trùng chéo trong toàn Tỉnh/Thành phố), nguồn vốn và lộ trình đầu tư của từng dự án có phù hợp với chiến lược phát triển của ngành, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương không thông qua việc trả lời các câu hỏi dưới đây? Nhằm làm căn cứ giúp UBND phê duyệt chủ trương đầu tư.

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
TC6.2	6.2 Các dự án có phù hợp với mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ đã nêu ở trên không? - Các dự án ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành - Các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT

Ký hiệu tiêu chí	Thuyết minh chi tiết
	- Các dự án phát triển quy hoạch nguồn nhân lực CNTT - Các dự án ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp
TC6.4	6.4 Các mục của một dự án được cung cấp đầy đủ nội dung? (theo biểu mẫu “danh mục các dự án CNTT sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản) - Đọc đối chiếu biểu mẫu kèm theo - Kiểm tra nội dung và số liệu, nguồn vốn thực hiện... - Về cơ bản phải thỏa mãn một số nội dung sau: + Sự cần thiết phải đầu tư? + Mục tiêu đầu tư? + Phạm vi và quy mô đầu tư? + Nguồn vốn đầu tư? + Thuyết minh hiệu quả đầu tư?